

TỔNG KẾT PHẦN VĂN HỌC VIỆT NAM

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Củng cố và hệ thống hoá những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam trong SGK *Ngữ văn 11 Nâng cao* trên hai bình diện :
 - Lịch sử văn học (từ trung đại đến hiện đại).
 - Thể loại văn học : Sự khủng khoảng của thi pháp thể loại văn học cuối thời trung đại và quá trình hiện đại hoá các thể loại văn học thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

- a) Mở đầu chương trình là một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của các giai đoạn cuối cùng của thời kì văn học trung đại (từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX).

Đây là thời kì nền văn học vận động mạnh mẽ theo hướng dân tộc hoá, dân chủ hoá trên cơ sở sự khủng khoảng sâu sắc của xã hội phong kiến, ý thức hệ phong kiến và mĩ học, thi pháp văn học phong kiến.

Dân tộc hoá là tăng cường những yếu tố Việt Nam từ nội dung (tư tưởng yêu nước, đề cao chủ nghĩa anh hùng chống xâm lược, phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội Việt Nam) đến hình thức (sự phát triển mạnh mẽ của thơ Nôm và các thể loại thuần Việt như thơ lục bát, song thất lục bát, thơ hát nói,...), Việt hoá sâu sắc những thể loại ngoại nhập như thơ luật Đường, v.v.

Dân chủ hoá là tăng cường yếu tố chống phong kiến về mặt xã hội, lẽ giáo, lối sống, đề cập đến số phận những con người bình thường trong xã hội, thông cảm sâu sắc với nỗi khổ của nhân dân, của người phụ nữ, đề cao những phẩm chất tốt đẹp của nhân dân, khẳng định cá tính của chủ thể sáng tác và phát huy mạnh mẽ thành tựu của văn học dân gian về thể loại và ngôn ngữ.

Cân thấy hai quá trình dân tộc hoá và dân chủ hoá gắn bó hoà hợp với nhau không tách rời, đồng thời đi liền với quá trình tăng cường nội dung nhân đạo,

nhân bản của văn học. Quá trình dân tộc hoá và dân chủ hoá thể hiện trên cả hai mặt nội dung và hình thức của văn học.

Tiêu biểu cho xu hướng dân tộc hoá, dân chủ hoá của văn học cuối thời trung đại là tác phẩm của Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Lê Hữu Trác (*Thượng kinh kí sự*), Nguyễn Đình Chiểu (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*), thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương,...

Dân tộc hoá, dân chủ hoá là quy luật vận động, phát triển nói chung của lịch sử văn học dân tộc. Nhưng từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX, xu hướng này được đẩy tới cao trào do những cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra mạnh mẽ và sự khủng hoảng trầm trọng của xã hội và ý thức hệ phong kiến.

b) Về cơ sở xã hội lịch sử, cơ sở tư tưởng, văn hoá của thời kì văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, cần lưu ý ba sự kiện quan trọng sau đây :

– Thực dân Pháp áp đặt một chế độ chính trị tàn ác lên đất nước ta, nhưng không ngăn cản được phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ngày càng phát triển mạnh mẽ đi đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

– Hai cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp trước và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã biến Việt Nam thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, dẫn đến sự hình thành hàng loạt đô thị có tính chất tư bản chủ nghĩa, ở đó ra đời những tầng lớp xã hội mới (tư sản, thợ thuyền, tiểu tư sản, dân nghèo thành thị). Những tầng lớp xã hội này đòi hỏi có một nền văn học hiện đại.

– Đại diện về tư tưởng và văn hoá cho các tầng lớp thị dân này chủ yếu là tầng lớp trí thức tiểu tư sản Tây học.

– Văn học Việt Nam từ quan hệ bó hẹp trong vòng ảnh hưởng của tư tưởng văn hoá, văn học cổ Trung Quốc, giờ đây mở cửa tiếp nhận ảnh hưởng của tư tưởng văn hoá, văn học phương Tây hiện đại.

c) Về khái niệm hiện đại hoá (một đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945), cần hiểu theo nghĩa nền văn học thoát khỏi hệ thống thi pháp của văn học thời trung đại. Nhưng thế nào là thi pháp văn học trung đại ? Thời trung đại, người viết văn và người đọc văn đều là những trí thức Hán học, họ quan niệm văn học phản ánh hiện thực hay biểu hiện tâm hồn mình thông qua một hệ thống ước lệ dày đặc, phức tạp và những quy phạm về thể loại rất nghiêm ngặt. Hệ thống ước lệ này có ba tính chất :

- Uyên bác và cách điệu hoá.
- Sùng bái cái cổ xưa.
- Phi ngā (không thể hiện cá tính của người viết).

Văn học thời trung đại nói chung không có hứng thú tả thực. Các thể loại tuy đã có, nhưng chưa có sự phân biệt thật rạch ròi. Và người cầm bút cũng như người đọc coi thứ văn cao nhất, giá trị nhất là văn học thuật (văn chính trị, triết học, đạo đức học, sử học,...).

Hệ thống ước lệ và quy phạm nói trên đến thế kỉ XVIII, XIX trở nên lỏng lẻo, không được tuân thủ nghiêm ngặt nữa. Người ta gọi thế là hiện tượng khủng hoảng của thi pháp văn học trung đại (khủng hoảng nhưng vẫn nằm trong phạm trù thi pháp văn học trung đại). Sang thế kỉ XX, hệ thống thi pháp này mới bị phủ định do sự thức tỉnh của ý thức cá nhân ở nhà văn do quan hệ sinh hoạt của thị dân ở các thành phố có tính chất tư bản chủ nghĩa và ảnh hưởng của tư tưởng văn hoá, văn học phương Tây qua tầng lớp trí thức Tây học.

Quá trình hiện đại hoá của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 diễn ra qua ba giai đoạn. Văn xuôi hiện đại xuất hiện sớm hơn (trước hết ở Nam Bộ) vì ở nước ta thời trung đại hầu như chưa có văn xuôi tiếng Việt nên không phải chịu một lực trì kéo nào của truyền thống. Quá trình hiện đại hoá của thơ chậm hơn, vì dân tộc ta có một di sản thơ ca rất phong phú và có giá trị, nên không thể đổi mới dễ dàng. Tuy nhiên, trong văn học có quy luật : truyền thống càng phong phú thì một khi đã đổi mới được thì sự phát triển càng mạnh mẽ, thành tựu càng lớn. Ngoài ra cần chú ý : văn học không phải chỉ là chuyện lí trí mà trước hết là chuyện tình cảm, cảm xúc. Cho nên văn học Việt Nam chỉ thực sự hiện đại khi xuất hiện lớp nhà văn "Tây học" trẻ tuổi, nên có điều kiện dứt bỏ hẳn được tình cảm thâm mĩ thời trung đại.

d) Văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 có một tốc độ phát triển rất mau lẹ. Cần lưu ý các nguyên nhân cơ bản sau đây :

– Dân tộc ta có một sức sống rất mãnh liệt. Sức sống ấy không chỉ thể hiện ở tinh thần quật cường chống ngoại xâm, mà còn thể hiện ở nền văn hoá, văn học, ở tiếng nói của dân tộc. Qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, hàng trăm năm dưới ách thực dân Pháp, qua những cuộc tàn phá của chiến tranh xâm lược từ Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đến Pháp, Nhật, nền văn hoá ấy, tiếng nói ấy, chẳng những không bị thu nhỏ đi mà vẫn tồn tại, phát triển, và càng phát triển, càng tô đậm thêm bản sắc riêng của mình.

Sức sống ấy khi được giải phóng khỏi tư tưởng phong kiến và tiếp xúc với thế giới hiện đại, liền phát triển rất mạnh mẽ, mau lẹ "một năm có thể kể như ba mươi năm của người" (Vũ Ngọc Phan).

– Sức sống ấy lại luôn luôn được khơi dậy bởi phong trào yêu nước và cách mạng liên tiếp nổ ra từ khi giặc Pháp xâm lược nước ta cho đến Cách mạng tháng Tám 1945.

– Sức sống ấy, trong thời kì văn học 1900 - 1945, chủ yếu tiềm ẩn ở các thế hệ tiểu tư sản trí thức "Tây học". Tầng lớp này, trong hoàn cảnh sống và trên điều kiện tâm lí xã hội của họ, với lòng yêu nước và sự thức tỉnh ý thức cá nhân, đã coi văn chương là lẽ sống, là con đường duy nhất để khẳng định sự tồn tại có ý nghĩa của mình. Với động cơ ấy, họ đã đẩy nền văn học đất nước phát triển mạnh mẽ trên đường hiện đại hoá.

Văn học đến thời kì này trở thành một thứ hàng hoá, viết văn trở thành một nghề kiếm sống. Điều này có tác dụng không nhỏ tới tốc độ sản xuất văn chương.

d) Về sự phân hoá của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

Cân lưu ý đến các nguyên nhân sau :

– Sự phân hoá xã hội phức tạp trước cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh xã hội quyết liệt từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

– Sự thức tỉnh ý thức cá nhân ở những người cầm bút : ai cũng muốn khẳng định tư tưởng riêng, cá tính, phong cách riêng của mình. Những người có tư tưởng và phong cách gần gũi nhau tập hợp lại thành những xu hướng, trường phái, những nhóm sáng tác riêng.

Trong hoàn cảnh mất nước, sự phân hoá của văn học trước hết tạo thành hai bộ phận : chống thực dân Pháp và không chống thực dân Pháp (hợp pháp và bất hợp pháp hay còn gọi là công khai và không công khai) – nghĩa là phân hoá về lập trường chính trị.

Hai bộ phận văn học này có nhiều điểm khác biệt :

– Bộ phận bất hợp pháp, tức bộ phận văn học cách mạng, có mấy đặc điểm sau : quan niệm văn học là vũ khí đấu tranh cách mạng, nhà văn trước hết là chiến sĩ ; văn học chủ yếu phục vụ chính trị, tạo nên một dòng văn thơ chính trị ; không chịu ảnh hưởng tiêu cực của chính sách văn hoá nô dịch của thực dân ; hoạt động bất hợp pháp nên bị hạn chế nặng nề về điều kiện sáng tác.

– Bộ phận hợp pháp : chịu tác động tiêu cực của chính sách văn hoá thực dân, tư tưởng bị kiểm soát chặt chẽ, phân hoá phức tạp thành nhiều xu hướng, trường phái khác nhau nhưng bộ phận này có điều kiện vật chất thuận lợi để sáng tác.

Tuy vậy, cần nhớ, cả hai bộ phận đều là văn học dân tộc. Vì thế văn có những điểm thống nhất : về tư tưởng đều phát huy tinh thần yêu nước và truyền thống nhân đạo của văn học dân tộc trên lập trường dân chủ ; về hình thức đều phát triển theo hướng hiện đại hoá.

Tất nhiên nội dung yêu nước, nhân đạo và lập trường dân chủ giữa hai bộ phận có mức độ và hình thức biểu hiện khác nhau. Nói chung, về nội dung tư tưởng, sự khác nhau cơ bản là một đẳng trực tiếp chống thực dân Pháp và đứng hẳn trên lập trường nhân dân, một đẳng thể hiện nội dung ấy một cách bóng gió, xa xôi, kín đáo.

e) Về thể loại văn học trong SGK *Ngữ văn 11 Nâng cao*

Cần lưu ý :

– Phần Văn học trong SGK *Ngữ văn 11 Nâng cao* gồm đủ các thể loại văn học từ cổ điển đến hiện đại.

– Các thể văn trung đại ra đời trong giai đoạn khủng hoảng về mĩ học và thi pháp, nên có đặc điểm chung là các quy phạm về thể loại không được tuân thủ chặt chẽ như trước. Nhưng chính những chỗ "lỏng lẻo", "lệch pha" đó, nhiều trường hợp, lại là những sáng tạo có giá trị nhất.

– Từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, tất cả các thể loại văn thơ thời trung đại đều được hiện đại hoá hướng theo mô hình của văn học phương Tây thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Có một số thể loại hoàn toàn mới đối với văn học nước ta, ra đời trong thời kì này như phóng sự, kịch nói, phê bình văn học.

– Đây là thời kì ý thức cá nhân phát triển dẫn đến sự xuất hiện nhiều cá tính, phong cách độc đáo. Điều này cũng có ảnh hưởng tới những tìm tòi, sáng tạo khác nhau về thể loại văn học của mỗi cây bút.

2. Về phương pháp

– Trọng tâm : khái niệm dân tộc hoá và dân chủ hoá của văn học cuối thời trung đại ; các đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945.

– Để đi tới lời giải đáp cuối cùng về các câu hỏi (khái niệm dân tộc hoá, dân chủ hoá, hiện đại hoá và về sự phân hoá phức tạp của văn học 1900 - 1945) cần dắt dẫn HS bằng những câu hỏi nhỏ, gợi ý cụ thể.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

Nói về tầm quan trọng và nội dung phong phú của SGK *Ngữ văn 11 Nâng cao*, về tiến trình lịch sử văn học và thành tựu về mặt thể loại.

2. Phần nội dung chính

Câu hỏi 1

GV yêu cầu HS trả lời, sau đó bổ sung và nhấn mạnh những điểm quan trọng cần lưu ý về lịch sử và về thể loại văn học.

Câu hỏi 2

GV hướng dẫn HS đi tới lời giải đáp cuối cùng bằng câu hỏi sau : Dân tộc hoá là gì ? Dân chủ hoá là gì ? Quan hệ giữa dân tộc hoá và dân chủ hoá ? Cơ sở xã hội lịch sử của văn học trung đại thế kỉ XVIII, XIX ? Thế nào là sự khủng hoảng của ý thức hệ phong kiến, của tư tưởng mĩ học và thi pháp văn học trung đại ?

Câu hỏi 3

Văn học hiện đại hoá là văn học thoát ra khỏi hệ thống thi pháp văn học trung đại. Vậy thế nào là thi pháp văn học trung đại ? Thơ mới khác thơ truyền thống ở những điểm nào ? Hãy nêu những thể loại văn học mới ra đời trong thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu hỏi 4

GV hướng dẫn HS trả lời, sau đó bổ sung và nhấn mạnh những điểm quan trọng nhất theo điểm d, mục 1, phần II *Những điểm cần lưu ý*.

Câu hỏi 5

Hướng dẫn HS trả lời, sau đó bổ sung và nhấn mạnh những điểm quan trọng nhất theo điểm đ, mục 1, phần II *Những điểm cần lưu ý*.

3. Phần củng cố

Giúp HS nắm chắc nội dung cơ bản của SGK *Ngữ văn 11 Nâng cao* về hai mặt lịch sử vận động phát triển của văn học từ trung đại đến hiện đại và thành tựu đạt được về mặt thể loại.

Thấy rõ và giải thích được hiện tượng khủng hoảng về thi pháp của văn học trung đại từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX.

Năm vũng ba đặc điểm của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 trên ba bình diện : diện mạo, tốc độ phát triển, cấu trúc. Hiểu và giải thích được các đặc điểm ấy.

Nhận thức được sự khác biệt cơ bản về mặt thể loại giữa văn học hiện đại và văn học thời trung đại.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

1. Cơ sở tư tưởng của sự hình thành cá tính và phong cách nghệ thuật của các nhà văn là sự thức tỉnh của ý thức cá nhân.

– Vào cuối thời trung đại, tình trạng khủng hoảng sâu sắc của xã hội và ý thức hệ phong kiến là cơ sở xã hội, cơ sở tư tưởng của sự thức tỉnh ý thức cá nhân ở những người cầm bút.

– Đến thế kỉ XX, hoàn cảnh xã hội mới lại càng tạo điều kiện đầy đủ hơn nữa cho sự thức tỉnh ý thức cá nhân trong đời sống văn học. (Những cuộc khai thác thuộc địa của thực dân dẫn đến sự ra đời hàng loạt đô thị có tính chất tư bản chủ nghĩa. Sinh hoạt đô thị và ảnh hưởng của tư tưởng, văn hoá, văn học phương Tây hiện đại qua tầng lớp trí thức Tây học ngày càng đông đảo là cơ sở cho sự phát triển mạnh mẽ của ý thức cá nhân).

2. So sánh các nhà thơ cùng thời để phân biệt cá tính và phong cách của mỗi cây bút là một yêu cầu rất khó đối với HS. Vì, một mặt nám được đầy đủ, chính xác phong cách nghệ thuật của mỗi nhà thơ đòi hỏi một khả năng khái quát tổng hợp rất cao, mặt khác HS chỉ biết được mỗi nhà thơ qua một vài tác phẩm trong chương trình. Vậy chỉ nên yêu cầu HS, qua sự so sánh, nêu lên được vài nét khác biệt nổi trội nhất ở mỗi cây bút. Chẳng hạn : Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương đều là những nhà thơ Nôm kiệt xuất cuối thời trung đại. Nhưng Hồ Xuân Hương là tiếng nói táo bạo, đấu tranh quyết liệt cho quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ, nạn nhân của lẽ giáo phong kiến ; Nguyễn Khuyến là nhà thơ trữ tình tài hoa của dân tình, làng cảnh Việt Nam, đồng thời là một cây bút trào phúng rất thâm thuý ; Tú Xương là một cá tính đầy góc cạnh, một tiếng cười châm biếm mạnh mẽ ném vào tầng lớp thị dân hanh hiển, lố bịch, vô đạo, con đẻ của xã hội thuộc địa nửa phong kiến mới hình thành. Ông cũng thường có tiếng cười tự trào thể hiện ý thức trách nhiệm đối với gia đình và với quê hương đất nước ; Phan Bội Châu

là một tâm hồn đầy khí phách anh hùng và tinh thần lâng mạn cách mạng, nhưng vẫn mang dáng dấp một đấng trượng phu "đội trời đạp đất" ; Tân Đà là một hồn thơ lâng mạn rất phóng túng, thể hiện "cái ngông" của một nhà nho tài hoa bất đắc chí ; Xuân Diệu là một tâm hồn sôi nổi, cuồng nhiệt, thể hiện niềm khát khao giao cảm hết mình với cuộc đời ; Nguyễn Bính là một hồn thơ chân quê, rất gần với ca dao dân ca...

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Đăng Mạnh, Đỗ Ngọc Thống, *Văn – Bối cảnh học sinh giỏi Trung học phổ thông*, tập I, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002 (xem chương I : Một số vấn đề khái quát về lịch sử văn học, tr. 27 – 98).